

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển

Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L V, tỉnh Đ T

Ngày 30 tháng 01 năm 2022 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06/10/2022 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/20203/QĐST-HNGĐ, ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị D, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: 327B, ấp Tân Hưng, xã Tân Thành, huyện L V, tỉnh Đ T

- *Bị đơn:* Cao Minh T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: 487B/4, ấp Tân Quí, xã Tân Phước, huyện L V, tỉnh Đ T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/7/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Bùi Thị D trình bày:

*** Về hôn nhân:**

Chị D và anh T tìm hiểu đi đến hôn nhân có tổ chức đám cưới năm 2010, đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện L V, tỉnh Đ T. Sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối tháng 12 năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng càng ngày không hợp nhau. Anh T không lo lắng chăm sóc cho chị D, có đánh đập tai chị D vì thế chị D đã bỏ về mẹ ruột sống từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Từ ngày chị D về cha mẹ ruột sống anh T không có đến khuyên chị D về hàn gắn chung sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Minh T, sinh ngày 19/6/2011, Cao Minh L, sinh ngày 24/5/2014, hiện đang sống với anh T. Nay chị D đồng ý giao 2 con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Cao Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do và không có ý kiến phản bác yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bùi Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Bùi Thị D, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Cao Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bùi Thị D và Cao Minh T tổ chức đám cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn ngày 08/9/2016, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hơn nữa anh T không lo lắng chăm sóc gì cho vợ, và có đánh chị D vì thế chị D và anh T xa nhau từ năm 2021 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị D vẫn cương quyết ly hôn với anh T. Đối với anh T từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của chị D. Điều đó cho thấy anh T đã từ bỏ cuộc hôn nhân này với chị D, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị D và anh T là trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị D yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Cao Minh T, sinh ngày 19/6/2011, Cao Minh L, sinh ngày 24/5/2014 đang sống với anh T, chị D đồng ý giao con chung cho anh T được tiếp tục nuôi con. Việc giao con này của chị D là có cơ sở bởi lẽ, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với thực tế là từ khi xa nhau đến nay con chung sống với anh T được anh T nuôi dưỡng chu đáo, để ổn định cho Cao Minh T và Cao Minh L, Hội đồng xét xử cần giao con chung Cao Minh T, sinh ngày 16/6/2011 và Cao Minh L, sinh ngày 24/5/2014 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng tại phiên tòa chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định, xét tự nguyện này không trái quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị D.

[4] Về tài sản chung: chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Không có, không xem xét giải quyết.

Anh Cao Minh T từ khi thụ lý vụ án đến nay mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định trong đó có việc thông báo cho anh T biết việc tình trạng tài sản chung và nợ khi ly hôn nhưng anh T cũng không có ý kiến hay phản bác yêu cầu của chị D về vấn đề tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, và 300.000 đồng về án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho Bùi Thị D được ly hôn với Cao Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Cao Minh T, sinh ngày 19/6/2011, Cao Minh L, sinh ngày 24/5/2014 cho anh Cao Minh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: chị D tự nguyện cấp dưỡng cho Cao Minh T và Cao Minh L mỗi người con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2023 cho đến khi Cao Minh T và Cao và Cao Minh L đủ 18 tuổi.

Anh Cao Minh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị D trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng và 300.000 đồng về án phí cấp dưỡng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Bùi Thị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0010551, ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L V, tỉnh Đ T (Bùi Thị D phải nộp thêm 300.000 đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/01/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CCTHA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
1/

2/

Tô Thị Hoa Lư